

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2026

CHỈ TIÊU XÉT TRÚNG TUYỂN SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026

STT	Chuyên ngành	Chuyên khoa I	Chuyên khoa II	Thạc sĩ	Tiến sĩ
1	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới				
	+ Lao	12	4	4	2
	+ Truyền nhiễm	24	5	10	2
2	Chăm sóc giảm nhẹ	6	-	-	-
3	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	-	-	44	4
4	Dịch tễ học	-	-	-	5
5	Điện quang và y học hạt nhân	-	-	-	6
	+ Chẩn đoán hình ảnh	91	-	10	-
	+ X Quang	-	10	-	-
	+ Siêu âm	-		-	-
6	Điều dưỡng	-	-	61	5
7	Dinh dưỡng	30	-	21	-
8	Dược liệu - Dược học cổ truyền	-	-	7	1
9	Dược lý và dược lâm sàng	17	-	61	6
10	Gây mê hồi sức	32	10	15	4
11	Hóa dược	-	-	-	4
12	Hồi sức cấp cứu và chống độc				
	+ Hồi sức cấp cứu	31	6	-	4
13	Khoa học y sinh				
	+ Giải phẫu bệnh	16	5	9	4
	+ Giải phẫu học	-	-	1	5
	+ Hóa sinh y học	1	-	2	5
	+ Ký sinh trùng y học	-	-	1	-
	+ Mô phôi - Di truyền	-	-	3	1
	+ Sinh lý bệnh - Miễn dịch học	-	-	4	1
	+ Sinh lý học	-	-	-	-
	+ Vi khuẩn học	-	-	-	-
	+ Vi sinh y học	5	-	1	3
14	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất		-	9	-
15	Kỹ thuật phục hồi chức năng	-	-	18	-
16	Kỹ thuật xét nghiệm y học	-	-	50	8
17	Ngoại khoa				
	+ Ngoại khoa	70	12	20	9
	+ Chấn thương chỉnh hình	55	13	40	10
	+ Ngoại - Lồng ngực	20	9	15	5
	+ Ngoại - Nhi	15	4	5	1
	+ Ngoại - Thần kinh và sọ não	31	8	10	5
	+ Ngoại - Tiết niệu	30	12	18	5
	+ Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	45	-	-	-

STT	Chuyên ngành	Chuyên khoa I	Chuyên khoa II	Thạc sĩ	Tiến sĩ
18	Nhân khoa	20	6	22	5
19	Nhi khoa	112	-	18	5
	+ Nhi - Hô hấp	-	2	-	-
	+ Nhi - Hô hấp	-	2	-	-
	+ Nhi - Hồi sức	-	5	-	-
	+ Nhi - Huyết học - Ung bướu	-	-	-	-
	+ Nhi - Nội tiết và chuyển hóa	-	2	-	-
	+ Nhi - Sơ sinh	-	4	-	-
	+ Nhi - Thận	-	1	-	-
	+ Nhi - Thần kinh	-	-	-	-
	+ Nhi - Tiêu hóa	-	-	-	-
	+ Nhi - Tim mạch	-	3	-	-
20	Nội khoa				
	+ Nội - Hô hấp	-	3	-	-
	+ Nội - Thận Tiết niệu	-	1	-	-
	+ Nội - Tiêu hóa	-	1	-	-
	+ Nội - Tim mạch	-	10	-	-
	+ Nội khoa	70	-	31	5
	+ Cơ xương khớp	-	-	5	-
	+ Da liễu	41	6	20	5
	+ Huyết học và truyền máu	10	4	10	5
	+ Lão khoa	30	14	35	7
	+ Nội tiết	20	3	2	1
	+ Phục hồi chức năng	16	2	11	3
	+ Tâm thần	11	5	10	-
	+ Thần kinh	20	5	12	7
21	Quản lý y tế	-	15	-	-
22	Răng Hàm Mặt	91	17	115	28
23	Sản phụ khoa	71	13	37	7
24	Tai Mũi Họng	30	-	30	7
	+ Mũi họng	-	15	-	-
	+ Thính học	-	-	-	-
25	Tổ chức Quản lý dược	6	14	30	6
26	Ung thư	35	10	20	-
27	Y học cổ truyền	41	6	46	5
28	Y học dự phòng	2	-	20	-
29	Y học gia đình	40	6	23	-
30	Y tế công cộng	-	-	16	7
Tổng		1.197	271	952	208

Ghi chú: Chỉ tiêu xét trúng tuyển trình độ thạc sĩ bao gồm phương thức Xét tuyển và phương thức Thi tuyển. *hao*


HIỆU TRƯỞNG
Ngô Quốc Đạt